



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9**

Địa chỉ: Số 2, đường 1, KCN Biên Hòa
1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2022

Số: 27.01 /2022/QĐ-HĐQT

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Công bố thông tin của
Công ty cổ phần cơ giới và xây lắp số 9**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VPHDQT, VP TCT.



Phan Thanh Hải

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt	3
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	6
Điều 5. Phương tiện công bố thông tin	7
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	7
CHƯƠNG II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY LICOGI 9	8
Điều 7. Công bố thông tin định kỳ	8
Điều 8. Công bố thông tin bất thường	10
Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu	14
Điều 10. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu	14
CHƯƠNG III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	14
Điều 11. Công bố thông tin về sở hữu cổ đông lớn	14
Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ	15
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	16
Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ	17
CHƯƠNG IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	17
Điều 15. Quy trình công bố thông tin của Tổng công ty	17
CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN	19
Điều 16. Chuẩn bị công bố thông tin	19
Điều 17. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	19
Điều 18. Triển khai thực hiện	20
PHỤ LỤC I - DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	21
PHỤ LỤC II – DANH MỤC CBTT BẤT THƯỜNG VÀ THÔNG TIN KHÁC	26
PHỤ LỤC III – MỘT SỐ BIỂU MẪU THỰC HIỆN CBTT	34

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27.01/2022/QĐ-HDQT ngày 08 tháng 04 năm
2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cơ giới và xây lắp số 9)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (gọi là Công ty) theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng thực hiện công bố thông tin theo quy chế này bao gồm:

- a) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;
- b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty;
- c) Người có liên quan đến đối tượng công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

2. Người công bố thông tin: là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng giám đốc (Ban điều hành) có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Người nội bộ:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên Ban kiểm soát;
- c) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
- d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, người phụ trách kế toán;
- e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

4. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

5. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% (Năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
- Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

6. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính (Thông tư 155/2015/TT-BTC).

7. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

8. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán.

9. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

10. SGDCK: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 11. VSD: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
- 12. CBTT: Công bố thông tin
- 13. HĐQT: Hội đồng quản trị
- 14. BKS: Ban kiểm soát
- 15. TGD: Tổng giám đốc
- 16. KTT: Kế toán trưởng
- 17. BCTC: Báo cáo tài chính

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Quy chế này thực hiện công bố thông tin trên website đơn vị mình phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang điện tử của Công ty là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của pháp luật thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc cá nhân được ủy quyền.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cá nhân đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chế này cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quy chế này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là tổ chức tại khoản 2 Điều 1 thực hiện theo quy định của thông tư 155/2015/TT-BTC và pháp luật.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho một tổ chức (Công ty, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, thành viên lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) theo quy định của pháp luật hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quy chế này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC (trường hợp người được ủy quyền công bố thông tin là cá nhân) cho Ủy ban Chứng

khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

4. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a) Công ty phải báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật.

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Công ty phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm của Công ty và Báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn **10** ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá **90** ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá **100** ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

2. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

a) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;



- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

b) Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm a khoản này trên cả sơ sở báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là **20** ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá **120** ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, căn cứ quy định về thời gian công bố tại Điều lệ, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp,
- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp,
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết,
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;

b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

c) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

a) Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán;

b) Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

6. Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Gửi báo cáo về danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Công ty phải gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất trước 30/07; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu 01 - CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế này.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc

hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

j) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán; Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;

m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng **03** ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

q) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

s) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ **10%** trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ **10%** trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

2. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và kể từ khi được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

3. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Đối với trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy định của SGDCK, Công ty gửi thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy thông báo.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

6. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch trong các sự kiện sau đây:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu

1. Công ty khi phát hành trái phiếu ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.

2. Trường hợp Công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho các dự án đầu tư cụ thể đã xác định, định kỳ 06 tháng kể từ tháng có ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã huy động, Công ty phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận;

Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn so với nội dung đã nêu tại bản cáo bạch, Công ty phải công bố thông tin về lý do và quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn;

3. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 11. Công bố thông tin về sở hữu cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; hoặc khi không còn là cổ đông lớn, phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo Phụ lục số 06 ban

hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Công ty, qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;

b) Trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán;

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng, Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu

chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp cơ quan chủ quản sở hữu vốn hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Tổng công phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và Công ty.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên website của Công ty và Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/dăng ký giao dịch.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Hội đồng quản trị Công ty phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Công ty với đề nghị chào mua. Tài liệu gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ý kiến của HĐQT Công ty phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT Công ty đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường

hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.

4. Trong quá trình chào mua công khai, bên chào mua được tăng giá chào mua. Việc tăng giá được thực hiện với điều kiện bên chào mua phải công bố việc tăng giá ít nhất 07 ngày trước khi kết thúc đợt chào mua và phải đảm bảo giá tăng thêm được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của Công ty kể cả các cổ đông hoặc nhà đầu tư đã chấp nhận bán cho bên chào mua.

5. Trong trường hợp rút lại đề nghị chào mua, Bên chào mua phải báo cáo UBCKNN việc rút lại đề nghị chào mua đó, đồng thời công bố công khai việc rút lại đề nghị chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp sau khi được UBCKNN chấp thuận.

6. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN, bên chào mua phải công bố công khai việc chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch. Việc chào mua công khai chỉ được thực hiện sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua và đã được tổ chức, cá nhân chào mua công bố theo phương thức nêu trên.

7. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải thông báo cho UBCKNN về việc tiếp tục chào mua công khai trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua theo quy định của Luật Chứng khoán.

8. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời CBTT về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của SGDCK nơi có cổ phiếu của Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Quy trình công bố thông tin của Tổng công ty

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty và trường hợp Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin ủy quyền cho Công ty thực hiện công bố thông tin.

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

Bước	Quy trình	Trách nhiệm	Ghi chú
1		DHĐCD, HĐQT, Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc, nhà đầu tư	
2		Người phụ trách CBTT xử lý thông tin trình lãnh đạo phê duyệt	
3		Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ	
4		Người phụ trách CBTT thực hiện CBTT	
5		Người đại diện theo pháp luật / Người được ủy quyền CBTT kiểm tra việc CBTT	
6		Bộ phận văn thư & các bộ phận có liên quan	

2. Diễn giải

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các đơn vị trực thuộc Công ty, các phòng ban liên quan hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến người phụ trách công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Người phụ trách CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung các báo cáo, đối chiếu với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng với Quy chế này và của pháp luật, người phụ trách CBTT yêu cầu các đơn vị thuộc Công ty, Phòng/Ban, Nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 3: Báo cáo người đại diện theo pháp luật

Người phụ trách CBTT báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin cần công bố. Người đại diện theo pháp luật phải phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Công ty phải CBTT theo quy định (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 4: Thực hiện báo cáo công bố thông tin

Người phụ trách CBTT gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời gửi Văn phòng HĐQT Công ty đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Kiểm tra thông tin đã công bố

Người phụ trách công bố thông tin kiểm tra các thông tin đã báo cáo với UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo cáo. Trường hợp văn bản công bố thông tin chưa tới nơi cần công bố, người phụ trách CBTT kiểm tra và gửi lại báo cáo.

Bước 6: Lưu trữ

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo sẽ do Văn phòng HĐQT lưu trữ bằng văn bản trong thời hạn 10 năm và dữ liệu điện tử trong thời hạn 05 năm để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu lại khi cần thiết

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chuẩn bị công bố thông tin

1. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Công ty là Văn phòng HĐQT Tổng công ty.
2. Bộ phận đầu mối phụ trách CBTT chuẩn bị công văn nhắc nhở công bố thông tin tới các phòng/ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các tổ chức/cá nhân có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố.
3. Các phòng/ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và tổ chức/cá nhân có liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận đầu mối phụ trách CBTT của Công ty chậm nhất trước bảy (07) ngày trước thời hạn mà Công ty phải công bố (các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ có thông báo cụ thể).
4. Thông tin của các tổ chức/cá nhân liên quan phải được lập thành văn bản theo mẫu (nếu có) và có ký xác nhận về nội dung của thông tin. Tổ chức/cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Bộ phận đầu mối phụ trách CBTT chuẩn bị CBTT.

Điều 17. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi dẫn đến việc Công ty vi phạm quy định của pháp luật về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi

phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của Công ty và pháp luật.

Điều 18. Triển khai thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Căn cứ vào nội dung Quy trình, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định./



Phan Thanh Hải

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	CBTT Định kỳ	Báo cáo	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
I		Danh sách cổ đồng nhà nước, cổ đông lớn	VP HĐQT	Danh sách chốt tại thời điểm gần nhất trước 30/06	30/01/XX+1	Mẫu 01_HNX
		Báo cáo Quản trị	VP HĐQT		30/01/XX+1	Mẫu 01_HNX
		Báo cáo kiểm toán năm XX	TCKT	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo	31/03/XX+1	
		Báo cáo thường niên năm XX	TCKT	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán	20/04/XX+1	TT155 - Phụ lục 04
		Tài liệu ĐHĐCĐ	VP HĐQT	Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày	-	
	Năm	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	TCKT	Định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	-	TT162 - Phụ lục 13

PHỤ LỤC II – DANH MỤC CBTT BẤT THƯỜNG VÀ THÔNG TIN KHÁC

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Biểu mẫu	Ghi chú
I	CBTT 24 h			
1	Tại khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty.	TCKT		
2	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy phép hoạt động (GCNĐKKD, v.v...).	TCCB	Mẫu 05 - HNX	
3	Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ (hoặc Biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lý ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	VPHĐQT		
4	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;	VPHĐQT		
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách gộp cổ phiếu.	TCKT		

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Biểu mẫu	Ghi chú
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Tổng công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;	TCCB		
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;	TCKT		
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	TCKT	Mẫu 06 - HNX	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc	VPHĐQT		

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Biểu mẫu	Ghi chú
	người có liên quan.			
10	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT như sau: - Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, Công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.	TCKT		
11			Mẫu 07 – HNX	
12	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung.	TCCB	Mẫu 05 – CBTT	

STT	Nội dung	Đơn vị chịu trí	Biểu mẫu	Ghi chú
13	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Tổng công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155.	VP HĐQT	Phụ lục 03 Thông tư 155 Mẫu 02 – HNX Mẫu 03 – HNX Mẫu 04 – HNX	
14	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty.	TCCB		
15	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;	TCKT		
16	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. Sau khi đã vay từ 30% trở lên, phải CBTT các món vay hoặc phát hành trái phiếu khác có giá trị từ 10% trở lên tính trên BCTC năm gần nhất.	TCKT		
17	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	TCCB		
18	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	TCCB		

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Biểu mẫu	Ghi chú
19	Công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường giống như ĐHĐCĐ thường niên (quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 155/2015)	VP HĐQT		
20	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	VP HĐQT		
21	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, nộp hồ sơ lên VSD, UBCKNN, HNX, CBTT chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	VP HĐQT	Mẫu 07-THQ	ít nhất là 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng gửi lên VSD
22	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét	TCKT		
23	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản trên BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo bán niên soát xét; Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức; quyết định mua bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản tại BCTC năm kiểm toán, hoặc bán niên soát xét.	TCKT		
II	CBTT khác			

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Biểu mẫu	Ghi chú
1	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	TCKT		
2	Đăng ký loại doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính khi trở thành công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc; không còn công ty con hoặc đơn vị kế toán trực thuộc (Trong vòng 10 ngày kể từ khi có quyết định thay đổi)	TCCB	Mẫu 06 - HNX	
3	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu, nộp báo cáo tài chính sau chuyển đổi đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký BCTC kiểm toán	TCKT		Tương tự chia tách và sáp nhập
III Công bố thông tin theo yêu cầu				
1	CBTT theo yêu cầu khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	VP HĐQT		CBTT 24h khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HNX
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng đến giá chứng khoán và cần xác nhận thông tin đó	VP HĐQT		CBTT 24h khi nhận được yêu cầu của UBCKNN.

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Biểu mẫu	Ghi chú
				HNX
IV	Công bố thông tin của cổ đông lớn			
1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc khi không còn là cổ đông lớn nữa phải báo cáo Công ty, UBCKNN, HNX trong thời hạn 07 ngày.	Cổ đông là các đối tượng trên	Phụ lục 06 Thông tư 155	
2	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu qua ngưỡng 1% trở lên phải CBTT và báo cho UBCKNN, HNX trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên.	Cổ đông là các đối tượng trên	Phụ lục 07 Thông tư 155	
V	Công bố thông tin về người nội bộ, người liên quan của người nội bộ			
1	Trước khi thực hiện giao dịch 03 ngày, người nội bộ phải CBTT và báo cáo UBCKNN, HNX về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát	Người nội bộ và người có liên quan	Phụ lục số 10 Thông tư 155	Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày, chỉ được bắt đầu khi có CBTT từ HNX

STT	Nội dung	Đơn vị chịu trì	Biểu mẫu	Ghi chú
	hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...)			
2	Trong thời hạn 03 ngày kể từ khi hoàn tất giao dịch, người nội bộ phải Báo cáo kết quả với UBCKNN, HNX và Tổng công ty.	Người nội bộ và người có liên quan	Phụ lục số 12 Thông tư 155	
3	Trường hợp cơ quan chủ quản sở hữu vốn hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.	VP HĐQT		

PHỤ LỤC III – MỘT SỐ BIỂU MẪU THỰC HIỆN CBTT

Danh sách biểu mẫu

ST	Ký hiệu mẫu biểu	Nội dung
1	TT155 – Phụ lục 1	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
2	TT155 – Phụ lục 3	Bản cung cấp thông tin
3	TT155 – Phụ lục 4	Báo cáo thường niên
4	TT155 – Phụ lục 6	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn
5	TT155 – Phụ lục 7	Báo cáo thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn
6	TT155 – Phụ lục 8	Thông báo kết quả giao dịch cổ phiếu người nội bộ, người có liên quan
8	TT155 – Phụ lục 9	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu người nội bộ, người có liên quan
9	HNX - 01	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn
10	HNX - 02	Thông báo thay đổi nhân sự
11	HNX – 03	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan
12	HNX – 04	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ
13	HNX – 05	Thông báo thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động
14	HNX – 06	Thông báo thay đổi mô hình công ty và loại báo cáo tài chính
15	HNX – 07	Thông báo thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành
16	HNX – 08	Công bố thông tin bất thường khác

CICP
HAI *